ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4937 /QĐ-UBND	*Nghệ An, ngày 19 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Công bố Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; số 385/2026/NĐ-CP ngày 09/10/2026 về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 310/2026/NĐ-CP ngày 05/8/2026 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 3398/QĐ-BYT ngày 04/11/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến một phần, toàn trình và trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 7275/TTr-SYT ngày 12/11/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 133 thủ tục hành chính (sau đây gọi là TTHC) đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế, cụ thể như sau:

1. TTHC đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình: 95 TTHC, trong đó, 88 TTHC cấp tỉnh, 07 TTHC cấp xã

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

2. TTHC đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần: 38 TTHC, trong đó, 30 TTHC cấp tỉnh, 08 TTHC cấp xã

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Y tế; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh (Đ/c Thành);
- Phó CVP UBND tỉnh (Đ/c Thiền);
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (U).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Thái Văn Thành

PHỤ LỤC I
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ

(Kèm theo Quyết định số 4937 /QĐ-UBND ngày 19 /11/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Cấp có thẩm quyền giải quyết		Cơ quan thực hiện	Quyết định công bố TTHC
			Cấp tỉnh	Cấp xã		
I	**DƯỢC PHẨM (08 TTHC)**					
1	1.014102	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	x		Sở Y tế	3226/QĐ-UBND ngày 21/7/2026
2	1.014101	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	x		Sở Y tế	2704/QĐ-UBND ngày 25/8/2025
3	1.014100	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	x		Sở Y tế	2704/QĐ-UBND ngày 25/8/2025
4	1.014099	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược	x		Sở Y tế	2704/QĐ-UBND ngày 25/8/2025
5	1.014092	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược cho người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề dược theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật Dược) theo hình thức xét hồ sơ	x		Sở Y tế	2704/QĐ-UBND ngày 25/8/2025
6	1.014.078	Cho phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc có hạn dùng còn lại tại thời điểm thông quan ngắn hơn quy định	x		Sở Y tế	2648/QĐ-UBND ngày 18/6/2026

7	1.014.090	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh	x		Sở Y tế	2648/QĐ-UBND ngày 18/6/2026
8	1.014104	Cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	x		Sở Y tế	2704/QĐ-UBND ngày 25/8/2025
II	**LĨNH VỰC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH (17 TTHC)**					
1	1.012292	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	x		Sở Y tế	3318/QĐ-UBND ngày 27/7/2026
2	1.012291	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	x		Sở Y tế	3318/QĐ-UBND ngày 27/7/2026
3	1.012290	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá	x		Sở Y tế	3318/QĐ-UBND ngày 27/7/2026

		năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng				
4	1.012289	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	x		Sở Y tế	3318/QĐ-UBND ngày 27/7/2026
5	1.012279	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	x		Sở Y tế	3318/QĐ-UBND ngày 27/7/2026
6	1.012276	Thu hồi giấy phép hành nghề đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh	x		Sở Y tế	3318/QĐ-UBND ngày 27/7/2026
7	1.012275	Đăng ký hành nghề	x		Sở Y tế	2493/QĐ-UBND ngày 04/8/2025
8	1.012273	Gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	x		Sở Y tế	2493/QĐ-UBND ngày 04/8/2025
9	1.012272	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	x		Sở Y tế	2493/QĐ-UBND ngày 04/8/2025 của UBND tỉnh
10	1.012271	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	x		Sở Y tế	1969/QĐ-UBND ngày 30/6/2025

11	1.012258	Cho phép người nước ngoài vào Việt Nam chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa bệnh	x		Sở Y tế	1969/QĐ-UBND ngày 30/6/2025
12	1.012260	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa	x		Sở Y tế	1969/QĐ-UBND ngày 30/6/2025
13	1.012261	Đề nghị thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa	x		Sở Y tế	1969/QĐ-UBND ngày 30/6/2025
14	1.012257	Cho phép tổ chức hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt, khám bệnh, chữa bệnh lưu động thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 79 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo	x		Sở Y tế	1969/QĐ-UBND ngày 30/6/2025
15	1.012281	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS	x		Sở Y tế	1969/QĐ-UBND ngày 30/6/2025
16	1.012262	Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	x		Sở Y tế	896/QĐ-UBND ngày 11/4/2024
17	1.014128	Cấp bản tóm tắt hồ sơ bệnh án	x		Sở Y tế	2718/QĐ-UBND ngày 25/8/2025
III	**LĨNH VỰC Y, DƯỢC CỔ TRUYỀN (08 TTHC)**					
1	1.012419	Cấp lại giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	x		Sở Y tế	237/QĐ-UBND ngày 26/1/2026
2	1.012418	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban	x		Sở Y tế	237/QĐ-UBND ngày 26/1/2026

		nhân dân cấp tỉnh				
3	1.012417	Cấp lại giấy chứng nhận lương y	x		Sở Y tế	237/QĐ-UBND ngày 26/1/2026
4	1.012416	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 4, 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	x		Sở Y tế	237/QĐ-UBND ngày 26/1/2026
5	1.008.395	Đánh giá việc đáp ứng Thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên (GACP)	x		Sở Y tế	4513/QĐ-UBND ngày 16/10/2026
6	1.008.396	Đánh giá định kỳ việc duy trì đáp ứng Thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên (GACP)	x		Sở Y tế	4513/QĐ-UBND ngày 16/10/2026
7	1.008.397	Đánh giá thay đổi, bổ sung việc đáp ứng Thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên (GACP)	x		Sở Y tế	4513/QĐ-UBND ngày 16/10/2026
8	1.008.398	Cấp lại Giấy chứng nhận dược liệu đạt GACP trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	x		Sở Y tế	4513/QĐ-UBND ngày 16/10/2026
IV	**LĨNH VỰC PHÒNG BỆNH (26 TTHC)**					
1	1013866	Đăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	x		Sở Y tế	2967/QĐ-UBND ngày 06/7/2026
2	1013874	Gia hạn số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	x		Sở Y tế	2967/QĐ-UBND ngày 06/7/2026
3	1013887	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi quyền sở hữu số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng	x		Sở Y tế	2967/QĐ-UBND ngày 06/7/2026

		và y tế				
4	1013891	Đăng ký lưu hành bổ sung do đổi tên chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	x		Sở Y tế	2967/QĐ-UBND ngày 06/7/2026
5	1013895	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, thay đổi cơ sở sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	x		Sở Y tế	2967/QĐ-UBND ngày 06/7/2026
6	1013867	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tên, địa chỉ liên lạc của đơn vị đăng ký, đơn vị sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	x		Sở Y tế	2967/QĐ-UBND ngày 06/7/2026
7	1003673	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tác dụng, liều lượng sử dụng, phương pháp sử dụng, hàm lượng hoạt chất, hàm lượng phụ gia cộng hưởng, dạng chế phẩm, hạn sử dụng, nguồn hoạt chất	x		Sở Y tế	2967/QĐ-UBND ngày 06/7/2026
8	1013870	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	x		Sở Y tế	2967/QĐ-UBND ngày 06/7/2026
9	1013872	Thông báo thay đổi nội dung, hình thức nhãn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	x		Sở Y tế	2967/QĐ-UBND ngày 06/7/2026
10	1013875	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế để nghiên cứu	x		Sở Y tế	2967/QĐ-UBND ngày 06/7/2026
11	1013880	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế phục vụ mục đích viện trợ	x		Sở Y tế	2967/QĐ-UBND ngày 06/7/2026
12	1013881	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn	x		Sở Y tế	2967/QĐ-UBND

		trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế là quà biếu, cho, tặng				ngày 06/7/2026
13	1013883	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế do trên thị trường không có sản phẩm hoặc phương pháp sử dụng phù hợp với nhu cầu của tổ chức, cá nhân xin nhập khẩu	x		Sở Y tế	2967/QĐ-UBND ngày 06/7/2026
14	1013886	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu	x		Sở Y tế	2967/QĐ-UBND ngày 06/7/2026
15	1013889	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu	x		Sở Y tế	2967/QĐ-UBND ngày 06/7/2026
16	1013892	Đình chỉ lưu hành, thu hồi số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	x		Sở Y tế	2967/QĐ-UBND ngày 06/7/2026
17	1.003580	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II	x		Sở Y tế	1333/QĐ-UBND ngày 29/5/2024
18	2.000655	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	x		Sở Y tế	1333/QĐ-UBND ngày 29/5/2024
19	1.002467	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	x		Sở Y tế	2104/QĐ-UBND ngày 02/7/2025
20	1.013860	Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	x		Sở Y tế	2104/QĐ-UBND ngày 02/7/2025
21	1.013864	Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	x		Sở Y tế	2104/QĐ-UBND ngày 02/7/2025
22	1.013894	Cấp lại Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với thuốc lá	x		Sở Y tế	2104/QĐ-UBND ngày 02/7/2025

23	1.013036	Công bố cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	x		Sở Y tế	3048/QĐ-UBND ngày 09/7/2026
24	1.013037	Hủy hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	x		Sở Y tế	3048/QĐ-UBND ngày 09/7/2026
25	1.013034	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	x		Sở Y tế	3048/QĐ-UBND ngày 09/7/2026
26	1.013035	Thu hồi Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng đối với trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng không tiếp tục tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV	x		Sở Y tế	3048/QĐ-UBND ngày 09/7/2026
V	**LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM (09 TTHC)**					
1	1.013.858	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	x		Sở Y tế	1929/QĐ-UBND ngày 28/6/2025
2	1.013.862	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	x		Sở Y tế	1929/QĐ-UBND ngày 28/6/2025
3	1.013.851	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng	x		Sở Y tế	1929/QĐ-UBND ngày 28/6/2025

		cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi				
5	1.013.838	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế	x		Sở Y tế	1929/QĐ-UBND ngày 28/6/2025
6	1.013.829	Cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu	x		Sở Y tế	1929/QĐ-UBND ngày 28/6/2025
7	1.013.847	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế	x		Sở Y tế	1929/QĐ-UBND ngày 28/6/2025
8	1.013.847	Miễn kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nhiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC17025	x		Sở Y tế	1929/QĐ-UBND ngày 28/6/2025
9	1.006.424	Đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe	x		Sở Y tế	4135/QĐ-UBND ngày 17/9/2026
VI	**LĨNH VỰC THIẾT BỊ Y TẾ (06 TTHC)**					
1	3.000.449	Công bố đối với nguyên liệu sản xuất thiết bị y tế, chất ngoại kiểm chứa chất ma túy và tiền chất	x		Sở Y tế	1927/QĐ-UBND ngày 28/6/2025
2	3.000.448	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với thiết bị y tế loại A, B	x		Sở Y tế	1927/QĐ-UBND ngày 28/6/2025
3	3.000.447	Tiếp tục cho lưu hành thiết bị y tế trong trường hợp chủ sở hữu thiết bị y tế không tiếp tục sản	x		Sở Y tế	1927/QĐ-UBND ngày 28/6/2025

		xuất hoặc phá sản, giải thể đối với thiết bị y tế loại A, B				
4	1.003039	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	x		Sở Y tế	1255/QĐ-UBND ngày 30/4/2025
5	1.003029	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B	x		Sở Y tế	1255/QĐ-UBND ngày 30/4/2025
6	1.003006	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	x		Sở Y tế	1255/QĐ-UBND ngày 30/4/2025
VII	**LĨNH VỰC MỸ PHẨM (05 TTHC)**					
1	1.003.064	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	x		Sở Y tế	896/QĐ-UBND ngày 11/4/2024
2	1.003.073	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất mỹ phẩm	x		Sở Y tế	896/QĐ-UBND ngày 11/4/2024
3	1.009.566	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	x		Sở Y tế	896/QĐ-UBND ngày 11/4/2024
4	1.002.600	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	x		Sở Y tế	2772/QĐ-UBND ngày 29/8/2025
5	1.002.238	Đơn hàng nhập khẩu mỹ phẩm dùng cho nghiên cứu, kiểm nghiệm	x		Sở Y tế	2772/QĐ-UBND ngày 29/8/2025
VIII	**LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI (01 TTHC)**					
1	1.001653.01	Cấp đổi, cấp lại Giấy các nhận khuyết tật		x	UBND cấp xã	1002/QĐ-UBND ngày 12/4/2025
X	**LĨNH VỰC TRẺ EM (09 TTHC)**					
1	1.004.946	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	x		Sở Y tế	2211/QĐ-UBND ngày 12/7/2025
2	1.004.944	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	x		Sở Y tế	2211/QĐ-UBND ngày 12/7/2025

3		Đề nghị sử dụng kinh phí từ Quỹ Bảo trợ trẻ em cho người chưa thành niên là bị hại	x		Quỹ Bảo trợ trẻ em	2499/QĐ-UBND ngày 10/6/2026
4	1.004946.01	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em		x	UBND cấp xã	2211/QĐ-UBND ngày 12/7/2025
5	1.004944.01	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em		x	UBND cấp xã	2211/QĐ-UBND ngày 12/7/2025
6	2.001947.01	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt		x	UBND cấp xã	2211/QĐ-UBND ngày 12/7/2025
7	1.004941.01	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em		x	UBND cấp xã	2211/QĐ-UBND ngày 12/7/2025
8	2.001944.01	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em		x	UBND cấp xã	2211/QĐ-UBND ngày 12/7/2025
9	2.001942.01	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc, thay thế		x	UBND cấp xã	2211/QĐ-UBND ngày 12/7/2025
XI	**LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI (06 TTHC)**					
1	1014010	Cấp giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nạn nhân	x		UBND tỉnh; Sở Y tế	2270/QĐ-UBND ngày 18/7/2025
2	1014011	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	x		UBND tỉnh; Sở Y tế	2270/QĐ-UBND ngày 18/7/2025
3	2000025	Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	x		UBND tỉnh; Sở Y tế	2270/QĐ-UBND ngày 18/7/2025
4	2000027	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	x		UBND tỉnh; Sở Y tế	2270/QĐ-UBND ngày 18/7/2025

5	1000091	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	x		UBND tỉnh; Sở Y tế	2270/QĐ-UBND ngày 18/7/2025
6	2001661	Hỗ trợ học văn hoá, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	x		UBND tỉnh; Sở Y tế	2270/QĐ-UBND ngày 18/7/2025
	TỔNG		**88**	**07**		

PHỤ LỤC II
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ- UBND ngày /11/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Cấp có thẩm quyền giải quyết		Cơ quan thực hiện	Quyết định công bố TTHC
			Tỉnh	Xã		
I	**LĨNH VỰC DƯỢC PHẨM (04 TTHC)**					
1	1.014203.H41	Thẩm định điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự và đánh giá đáp ứng thực hành tốt đối với cơ sở có hoạt động phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc không vì mục đích thương mại (trường hợp cơ sở có đề nghị); Đánh giá định kỳ, đánh giá kiểm soát thay đổi về điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, cơ sở bán lẻ thuốc.	x		Sở Y tế	2704/QĐ-UBND ngày 25/8/2025
2	1.014076.H41	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	x			3226/QĐ-UBND ngày 21/7/2026

3	1.014.087	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	x			2928/QĐ-UBND ngày 12/9/2025
4	1.001.396	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt.	x			2928/QĐ-UBND ngày 12/9/2025
II	**LĨNH VỰC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH (02 TTHC)**					
1	1.012280	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	x		Sở Y tế	3318/QĐ-UBND ngày 27/7/2026
2	1.012278	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	x		Sở Y tế	3318/QĐ-UBND ngày 27/7/2026
III	**LĨNH VỰC Y, DƯỢC CỔ TRUYỀN (01 TTHC)**					
1	1.012415	Cấp giấy chứng nhận lương y cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	x		Sở Y tế	237/QĐ-UBND ngày 26/1/2026
IV	**LĨNH VỰC PHÒNG BỆNH (07 TTHC)**					
1	1.013865	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do thay đổi tên của cơ sở xét nghiệm.	x		Sở Y tế	2104/QĐ-UBND ngày 30/6/2025
2	1.013878	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III.	x		Sở Y tế	2104/QĐ-UBND ngày 30/6/2025

3	1.013884	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do hết hạn.	x		Sở Y tế	2104/QĐ-UBND ngày 30/6/2025
4	1.013893	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do bị hỏng, bị mất.	x		Sở Y tế	2104/QĐ-UBND ngày 30/6/2025
5	1.013869	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	x		Sở Y tế	3048/QĐ-UBND ngày 09/7/2026
6	1.013873	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	x		Sở Y tế	3048/QĐ-UBND ngày 09/7/2026
7	1.013879	Điều chỉnh giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	x		Sở Y tế	3048/QĐ-UBND ngày 09/7/2026
V	**LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM (05 TTHC)**					
1	1.013.855	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	x	x	Sở Y tế và UBND cấp xã	2676/QĐ-UBND ngày 21/8/2025
2	1.013.857	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	x		Sở Y tế	1929/QĐ-UBND ngày 28/6/2025
3	1.013.854	Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	x		Sở Y tế	1929/QĐ-UBND ngày 28/6/2025
4	1.013.850	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	x		Sở Y tế	1929/QĐ-UBND ngày 28/6/2025
5	1.013.844	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp	x		Sở Y tế	1929/QĐ-UBND ngày 28/6/2025

		của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí ngiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025				
VI	**LĨNH VỰC MỸ PHẨM (01 TTHC)**					
1	1.003.055	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	x		Sở Y tế	896/QĐ-UBND ngày 11/4/2024
VII	**LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI (13 TTHC)**					
1	1.001806.01	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	x		Sở Y tế	1002/QĐ-UBND ngày 12/4/2025
2	1.012990.01	Cấp giấy xác nhận quá trình thực hành công tác xã hội	x		UBND tỉnh	1002/QĐ-UBND ngày 12/4/2025
3	1.013817.01	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	x		UBND tỉnh	1913/QĐ-UBND ngày 28/6/2025
4	1.012993.01	Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài	x		UBND tỉnh	1913/QĐ-UBND ngày 28/6/2025
5	2.000286.01	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	x		Cơ sở Trợ giúp xã hội	4419/QĐ-UBND ngày 9/10/2026
6	2.000282.01	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	x		Cơ sở Trợ giúp xã hội	4419/QĐ-UBND ngày 9/10/2026

7	1.001699.01	Xác đinh, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật		x	UBND cấp xã	4399/QĐ-UBND ngày 9/10/2026
8	1.001776.01	Thực hiện trợ cấp xã hội và nhận chăm sóc, nuôi dưỡng, hỗ trợ kinh phí nhận chăm sóc, nuôi dưỡng hằng tháng		x	Chủ tịch UBND cấp xã	4419/QĐ-UBND ngày 9/10/2026
9	1.001731.01	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội		x	Chủ tịch UBND cấp xã	4419/QĐ-UBND ngày 9/10/2026
10	2.000.286	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội		x	Chủ tịch UBND cấp xã	4419/QĐ-UBND ngày 9/10/2026
11	2.000.282	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội		x	Chủ tịch UBND cấp xã	4419/QĐ-UBND ngày 9/10/2026
12	1.014.027	Thực hiện trợ cấp hưu trí xã hội		x	UBND cấp xã	4419/QĐ-UBND ngày 9/10/2026
13	1.014.028	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội		x	UBND cấp xã	4419/QĐ-UBND ngày 9/10/2026
VIII	**LĨNH VỰC TỔ CHỨC CÁN BỘ (02 TTHC)**					
1	1.001.523	Bổ nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương	x		Sở Y tế	2051/QĐ-UBND ngày 30/6/2025
2	1.001.514	Miễn nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương	x		Sở Y tế	2051/QĐ-UBND ngày 30/6/2025

IX	**LĨNH VỰC ĐÀO TẠO (02 TTHC)**					
1	1.012.256	Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành	x		Sở Y tế	2937/QĐ-UBND ngày 02/7/2026
2	1.004.539	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố	x		Sở Y tế	896/QĐ-UBND ngày 11/4/2024
	TỔNG		**30**	**08**		

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN